

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: **268** /2018/HSPT
Ngày 15- 5- 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Phan Quyết Thắng

Bà Phan T Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân
dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Liễu - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 844/2017/HSPT ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Bùi Văn Th và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đinh Công Ngh, sinh năm 1963; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở xóm S, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình; dân tộc Mường; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 7/10; con ông Đinh Công Th (đã chết) và bà Bùi Thị Ng; có vợ là Hoàng Thị Kh và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1988); tiền án, tiền sự không; tạm giam từ ngày 19/4/2014, trả tự do ngày 23/6/2014; bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh Công T sinh năm 1983; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở xóm S, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Dân tộc Mường; tôn giáo không; nghề nghiệp

lao động tự do; trình độ văn hoá 5/12; con ông Đinh Công Ngh, sinh năm 1963 (là bị cáo trong vụ án này) và bà Hoàng Thị Kh; có vợ là Đinh Thị M và có 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh 2011); tiền án, tiền sự không; tạm giam từ ngày 19/4/2014, trả tự do ngày 09/02/2015; bị cáo tại ngoại- có mặt tại phiên tòa.

3. Tạ Duy S, sinh năm 1964; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở xóm 3, thôn Đồng Nhân, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 4/10; dân tộc kinh; tôn giáo không; con ông Tạ Duy M (đã chết) và bà Đỗ Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị H và 5 con (con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự không; tạm giam từ ngày 20/4/2014, trả tự do ngày 23/6/2014; bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Quốc A, sinh năm 1972; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở số nhà 2, ngõ 20, tổ 1, phường Ph, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; con ông Hoàng Quyết Ch (đã chết) và bà Ngô Thị Y; có vợ là Lưu Thị Kim Ng và 02 con (con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1999); tiền án, tiền sự không; tạm giam từ ngày 20/4/2014, trả tự do ngày 23/6/2014; bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tạ Duy S và Hoàng Quốc A: Ông Phan Thiết, thuộc Văn phòng Luật sư ATV - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.- Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Công Ngh và bị cáo Đinh Công T: Bà Hồ Thúy Sen, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội- Có mặt.

Người phiên dịch cho bị cáo Đinh Công Ngh và Đinh Công T là bà: Bùi Thị Hồng Hiệu- Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Q- Người Dân tộc Mường- Có mặt.

Bị cáo không kháng cáo:

1. Bị cáo Bùi Văn Th, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở xóm Tôm 3, xã Tân Lập, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình – có mặt.

2. Trần Xuân T1, sinh năm 1970; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú phố S, phường V, thị xã S, Hà Nội – vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự không kháng cáo: Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Tâm Chức vụ: Chủ tịch xã - vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn DA Minh- Chức vụ: Phó trưởng công an xã S, huyện Q, Hà Nội - có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo: Bà Lê Thị Ng sinh năm 1963; địa chỉ thôn Đ, xã Ph, thị xã Từ S, tỉnh Bắc Ninh – vắng mặt do không triệu tập;

Đại diện Hội đồng định giá theo tổ tụng hình sự huyện Q: Ông Hoàng Tuấn A – Thành viên thường trực Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự - có mặt.

Điều tra viên Công an huyện Q, thành phố Hà Nội: Ông Vương Đình Ch – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 16 / 4 / 2014, Bùi Văn Th đi xe máy từ nhà Đình Công T ở xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình đến khu vực Núi chùa Th thuộc xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội để trộm cắp gỗ Sưa; khi đi TH mang túi xách màu đen bên trong có bao tải, găng tay, 2 cửa tay, khi đến khu vực Núi chùa Th, TH giấu xe trong bụi dong, rồi đi lên núi theo đường mòn đến gần chùa Cao trên Núi chùa Th, TH quan sát không thấy có người nên dùng cửa tay cửa trộm 01 cây gỗ sưa rồi cắt lấy 01 khúc và 01 cành của cây gỗ sưa gần đó rồi chia thành 04 khúc, mỗi khúc dài khoảng 1m cho vào bao tải rồi mang đến chỗ giấu xe mô tô để đi về thì bị tổ công tác Công an huyện Q đi tuần tra phát hiện, bắt quả tang Bùi Văn Th, thu giữ phương tiện, vật chứng gồm: 04 khúc gỗ (nghĩ là gỗ sưa), 03 bao tải cũ màu vàng, 01 đôi găng tay, 02

cửa tay và 01 xe máy BKS: 29S9-3235, số khung: VTHPCH 0023314, số máy: VTT1P52FMH037256; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen.

Quá trình điều tra Bùi Văn Th còn khai nhận trước đó TH đã 06 lần lên Núi chùa Th thuộc xã S, huyện Q cắt trộm gỗ Sưa cụ thể:

Lần 1: Khoảng 16 giờ ngày 24/10/2013, TH điều khiển xe máy; 01 ba lô đến Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, mua 01 cửa, dây thừng, bao tải, 01 đôi găng tay vải với mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, TH đến khu vực chân Núi chùa Th, xã S, huyện Q, TH giấu xe vào bờ ruộng và dùng đèn pin điện thoại soi đường đi lên hang Cắc Cớ đến gần chùa Cao, TH dùng cửa cắt thân cây Sưa lấy 02 khúc (sát gốc) mỗi khúc dài khoảng 60cm, cho vào bao tải và dùng xe chở về nhà Đinh Công T ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình để gửi, khi về nhà Đinh Công Ngh (bố T) hỏi TH gỗ ở đâu thì TH nói trộm cắp ở chùa Thầy về, sau TH gặp T, TH bảo vừa đi cắt trộm về, mai nhờ mọi người đeo vỏ hộp.

Lần 2: Khoảng 16 giờ ngày 28/10/2013, TH đến Núi chùa Th cắt 01 khúc gỗ sưa (đoạn sát gốc) dài khoảng 80 - 90 cm, TH cho vào bao tải để về nhà, khi đi bộ đến ngã 3 gần Trường cấp I xã S đợi xe buýt lúc này khoảng 02 giờ sáng ngày 29/10/2013 thì bị người dân phát hiện, TH bỏ chạy và để lại 01 khúc gỗ Sưa, 01 ba lô; Công an xã S đã thu giữ toàn bộ tang vật và báo cáo Công an huyện Q để giải quyết.

Lần 3 : Khoảng 20 giờ 00 ngày 02/11/2013, TH lên hang Cắc Cớ, chùa Th cắt lấy 02 khúc gỗ Sưa, mỗi khúc dài khoảng 60 - 70 cm. Sau khi trộm cắp TH mang 02 khúc gỗ Sưa đến nhà T để gửi.

Lần 4: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24/2/2014, TH cửa trộm 01 cây gỗ Sưa ở đỉnh Núi chùa Th, cắt lấy 03 khúc (sát gốc) mỗi khúc dài khoảng 60 - 70 cm mang về nhà T để gửi và ngủ luôn tại đó đến sáng hôm sau TH cùng Ngh và T đeo vỏ gỗ lấy lõi Sưa, cân được 07kg. Lần này sau khi về TH bỏ quên cửa và găng tay, bao tải, thấy quần áo bẩn nên Ngh hỏi TH đi cắt trộm ở đâu về TH trả lời đi lấy ở Núi chùa Th thuộc huyện Q.

Lần 5: Khoảng 21 giờ 30 phút giữa tháng 3/2014 (không nhớ rõ ngày) TH lên Núi chùa Th cắt trộm 01 khúc gỗ sưa gần hang Cắc Cớ dài khoảng 60 - 70 (cm) mang về nhà T gửi và ngủ luôn tại nhà T; Khi về Ngh ra mở cổng hỏi TH lấy ở đâu TH trả lời lấy ở núi Thầy về. Sáng hôm sau TH cùng bố con Ngh, T đẽo vỏ gỗ sưa lấy lõi.

Lần 6: Khoảng 21 giờ ngày 04/4/2014, TH lên Núi chùa Th cắt cây gỗ Sưa lấy 01 đoạn dài khoảng 60 - 70 cm tại khu gần chùa Cao rồi mang đến nhà T để gửi và ngủ lại ở đó, sáng hôm sau TH cùng ông Ngh, T đẽo vỏ gỗ sưa lấy lõi, cân được 7,5kg lõi gỗ Sưa T và Ngh biết được TH đi cắt trộm về nên không hỏi cắt trộm ở đâu.

Tổng số 07 lần trộm cắp, TH đã trộm cắp được 14 khúc gỗ Sưa. TH mang về nhà T, Ngh 05 lần, 09 khúc mang về nhà T cất giấu, TH nhờ T và Ngh đẽo vỏ, lấy lõi thì giấu vào gầm giường nhà T chờ người mua. TH nhờ Ngh đi tìm xem có ai mua gỗ Sưa thì bán, khoảng 02 tháng sau Ngh gặp Trần Xuân T1, nhờ T1 hỏi xem có ai mua gỗ Sưa không thì bán hộ T1 đồng ý và hẹn nếu tìm được người mua sẽ gọi lại cho Ngh sau. Cụ thể số gỗ Sưa trộm cắp tại chùa Thầy TH đã bán cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng từ ngày 17 đến ngày 20/2/2014, Đình Công Ngh gọi điện cho Trần Xuân T1 lên mua gỗ Sưa. Sau đó, T1 đưa Tạ Duy S đến nhà Ngh mua 01 khúc gỗ Sưa với giá 54.000.000 đồng. S cho T1 500.000 đồng. Sau khi mua được số gỗ này S bán cho A Đình Văn C, Thanh Oai, Hà Nội với giá 54.000.000 đồng. Hai ngày sau vì gỗ xấu nên S phải trả lại A Cảnh 20.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng từ ngày đầu tháng 3/2014, Ngh gọi điện cho T1 lên mua gỗ Sưa do TH trộm cắp mà có. Sau đó, S đón T1 lên nhà Ngh bằng Taxi tại nhà Ngh thì S trực tiếp thỏa thuận với TH việc mua gỗ Sưa. TH bán cho S 02 khúc gỗ Sưa với giá 42.000.000 đồng. S trực tiếp đưa cho TH tiền. Quá trình mua bán gỗ Sưa gồm có TH, S, T1, Ngh, T. Sau đó khi về S đưa cho T1 7.500.000 đồng. Số gỗ này tại cơ quan điều tra S khai đã bán cho người Trung Quốc được 77.000.000 đồng.

Lần 3: Khoảng tháng 3/2014, TH nhờ Ngh bán giúp 03 khúc gỗ Sưa. Ngh gọi cho T1 và T1 dẫn Hoàng Quốc A lên nhà Ngh để mua 03 khúc gỗ Sưa do TH trộm cắp mà có. Sau khi gọi điện thoại hỏi ý kiến TH, Ngh thỏa thuận bán cho A với giá là 44.000.000 đồng. A đồng ý và đưa trực tiếp tiền cho Ngh. T1 được A cho 4.000.000 đồng tiền công giới thiệu. Số tiền trên Ngh đã đưa lại cho TH. Số gỗ này Quốc A bán cho A Thao ở Bắc Ninh với giá 55.000.000 đồng.

Lần 4: Khoảng đầu tháng 4/2014, TH tiếp tục nhờ Ngh bán giúp 03 khúc gỗ Sưa, Ngh gọi điện cho T1 đồng ý và gọi điện cho A lên nhà Ngh để mua 03 khúc gỗ Sưa do TH trộm cắp. A đồng ý và đi cùng Chung (lái xe cho A) bằng xe ô tô của A. Khi đến nơi TH không có nhà nên Ngh gọi điện thoại hỏi ý kiến TH và bán cho A với giá là 35.000.000 đồng. TH đồng ý nên A đưa trực tiếp tiền cho Đình Công Ngh có T chứng kiến. Sau khi mua gỗ xong thì A mang gỗ ra xe ô tô đi cùng Chung đến nhà T1. T1 không lấy tiền của A cho vì gỗ không được đẹp. Số tiền trên Ngh đã đưa lại cho TH. Số gỗ này A bán cho một người khách Trung Quốc không rõ địa chỉ được 29.000.000 đồng.

Ngoài ra, TH cùng Ngh, T đi mua 01 cây gỗ Sưa của Bùi Văn Tính, sinh năm 1973, ở xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình trồng tại vườn nhà với giá 16.000.000 đồng. TH cùng Ngh, T vận chuyển về nhà để lấy lõi, được 02 khúc. TH đã bán cho Lê Thị Ng, ở Thôn Đ, xã Ph, Từ S, Bắc Ninh với giá 15.000.000 đồng.

Kết quả giám định gỗ của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng- Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam giám định 13 mẫu gỗ do cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án TH trộm cắp. Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi của mẫu giám định kiểm tra so sánh với mẫu chuẩn, tài liệu, kết luận tên Việt Nam là Sưa (Huê Mộc Vàng), tên khoa học là *Dalbengia ton. kinensis* Prain thuộc “Bảng A thực vật rừng” trong “nhóm I thực vật rừng, động vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại” tại dA mục động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ.

Tại kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐ ĐG ngày 25/4/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q kết luận 04 khúc gỗ Sưa TH cắt trộm đã thu giữ được trị giá 17.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐ ĐG ngày 06/6/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q kết luận 10 khúc gỗ Sưa TH cắt trộm trị giá 134.500.000 đồng.

Tổng cộng số gỗ Sưa do TH trộm cắp có giá trị 152.000.000 đồng.

Sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, Cơ quan công an yêu cầu cung cố toàn bộ hồ sơ định giá lại số tài sản do TH trộm cắp mà cơ quan điều tra không thu giữ được 09 khúc gỗ Sưa.

Ngày 24/6/2016 Hội đồng định giá đã hủy biên bản định giá tài sản ngày 06/6/2014 và kết luận số 23/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự để thành lập Hội đồng định giá tài sản khác.

Ngày 24/6/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Q ra quyết định trưng cầu định giá số 38.

Tại kết luận định giá tài sản số 26/ KL-HĐ ĐG ngày 29/6/2016 của Hội đồng định giá đã kết luận: 10 khúc gỗ sưa TH trộm cắp trị giá 134.120.000 đồng (việc định giá này không phải là định giá lại).

Như vậy. Tổng số gỗ Sưa TH trộm cắp có giá là: 151.620.000 đồng.

Số tiền TH bán được gỗ Sưa được 175.000.000 đồng, TH gửi lại gia đình Đình Công Ngh là 139.000.000 đồng; cơ quan Công an huyện Q đã trả lại UBND xã S số tiền 139.000.000 đồng. Số còn lại 36.000.000 đồng TH ăn tiêu hết.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền Công an huyện Q thu giữ của Bùi TH là 139.000.000 đồng do TH trộm cắp gỗ Sưa bán mà có. Công an huyện Q đã trả lại cho UBND xã S.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2017/HSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố tuyên bố bị cáo Bùi Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đinh Công Ngh; Trần Xuân T1, Tạ Duy S và Hoàng Quốc A phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Đinh Công T phạm tội: “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đinh Công Ngh 10 (mười) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 19/4/2014 đến ngày 23/6/2014 .

-Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Tạ Duy S 8 (tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/4/2014 đến ngày 23/6/2014 .

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Hoàng Quốc A 7 (bảy) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/4/2014 đến ngày 23/6/2014 .

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đinh Công T 09 (chín) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù**, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam từ ngày 19/4/2014 đến ngày 09/02/2015 (bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Bùi Văn Th phải bồi thường trả Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội 12.620.000 (Mười hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2017, các bị cáo Đinh Công Ngh, Đinh Công T, Tạ Duy S, Hoàng Quốc A có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị minh oan cho các bị cáo.

Đại diện nguyên đơn dân sự trình bày trước 2015, tài sản khu vực trên Núi chùa Th là của Ủy ban nhân dân dân xã S, Ủy ban xã đã thành lập tổ bảo vệ quản lý tài sản trên. Khi phát hiện gỗ sưa trên Núi chùa Th bị kẻ gian trộm cắp, Ủy ban nhân dân xã đều có Công văn gửi Công an huyện Q báo cáo sự việc. Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân xã S là nguyên đơn dân sự là đúng, chúng tôi đã có công văn yêu cầu bồi thường và xử lý các bị cáo theo qui định của pháp luật.

Đại diện Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q trình bày về Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 29/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật, định giá lần này không phải là định giá lại mà thực chất là định giá bổ sung; Do trước đây cơ quan điều tra Công an huyện Q yêu cầu định giá số gỗ Sưa bị cáo TH trộm cắp mang bán cho các bị cáo S, Quốc A chưa xác định cụ thể khối lượng, kích cỡ số gỗ Sưa dẫn đến kết luận định giá chưa chính xác; nay cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu định giá số gỗ trên đã thể hiện rõ khối lượng, kích cỡ của từng khúc gỗ Sưa; trên cơ sở yêu cầu hủy bỏ kết luận định giá số 22 ngày 16/5/2014 và Quyết định trưng cầu định giá số 38 ngày 24/6/2016 của Công an Huyện Q, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q đã tiến hành định giá bổ sung theo đúng qui định của pháp luật. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Q do cơ quan hành chính Nhà nước (Ủy ban nhân dân huyện Q) quyết định thành lập nên Hội đồng định giá có thẩm quyền hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung đối với văn bản do mình ban hành.

Điều tra viên Vương Đình Ch trình bày trong quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra và các điều tra viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự; vật chứng của vụ án (số gỗ Sưa thu giữ của bị cáo TH) sau khi thu giữ đã chuyển ngay cho cơ quan giám định để tiến hành giám định; khi tiến hành lấy lời khai của các bị cáo đều phổ biến quyền và nghĩa vụ cho các bị cáo theo qui định của Bộ luật tố

tụng hình sự, các bị cáo Ngh, T đều khẳng định viết, nói, nghe tiếng Kinh bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không nhận tội, cho rằng mình bị oan. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đinh Công Ngh, Tạ Duy S, Hoàng Quốc A về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; bị cáo Đinh Công T về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo với mức án như đã tuyên là phù hợp. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo Ngh, A, S thấy có thể cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội thì cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, 357 (đối với bị cáo Ngh, S, A); Điều 356 (đối với bị cáo T) Bộ luật hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngh, S, A sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo, nhưng cho bị cáo Ngh, A, S được hưởng án treo, thời gian thử thách đối với bị cáo Ngh là 20 tháng, đối với bị cáo S 16 tháng, đối với bị cáo A là 14 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày bản luận cứ:

+ Người bào chữa cho bị cáo Đinh Công Ngh và Đinh Công T trình bày: Cây mọc trên Núi chùa Th là cây mọc tự nhiên nên việc bị cáo TH vào khai thác gỗ Sưa khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan kiểm lâm) cho phép, Núi chùa Th nằm trên địa giới của xã S, hồ sơ vụ án không thể hiện tại thời điểm bị cáo

TH vào khai thác núi trên thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã S. Với hành vi trên của bị cáo TH thì bị cáo không có hành vi “Trộm cắp tài sản”. Do bị cáo TH không phạm tội “Trộm cắp tài sản” nên các bị cáo Ngh và bị cáo T không phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo. Ngoài ra, vụ án có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như: Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Q không có quyền tự hủy quyết định định giá do mình ban hành và định giá lại, theo qui định tại Điều 21 Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 của Chính phủ thì việc định giá lại do Hội đồng định giá cấp trên thực hiện; thu hồi vật chứng không niêm phong, băng ảnh chụp vật chứng không có chữ ký của bị cáo; các bị cáo Ngh, T là người dân tộc Mường nhưng cơ quan điều tra không trưng cầu phiên dịch cho các bị cáo; việc xác định Ủy ban nhân dân xã S là nguyên đơn dân sự là không đúng. Từ phân tích trên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo Ngh, bị cáo T không phạm tội.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Tạ Duy S, Hoàng Quốc A trình bày bản luận cứ đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại với lý do: Cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân xã S là nguyên đơn dân sự là chưa đủ cơ sở vì trong hồ sơ không có chứng cứ, tài liệu nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu Núi chùa Th cho Ủy ban nhân dân xã S quản lý; về thu giữ vật chứng không đảm bảo đúng qui định của pháp luật như khi thu giữ vật chứng không niêm phong, chụp ảnh vật chứng không có chữ ký của bị cáo, không có lệnh nhập kho, xuất kho vật chứng, thì vật chứng mang đi giám định có phải là vật chứng do bị cáo phạm tội không? Cơ quan điều tra không thu giữ list điện thoại của các bị cáo để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo; có sự vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục định giá tài sản như: Không có quyết định thành lập hội đồng định giá trong tố tụng hình sự; Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Q tự mình hủy quyết định định giá do mình ban hành và định giá lại là không đúng thẩm quyền, theo qui định tại Điều 21 Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 của Chính phủ thì việc định giá lại do Hội đồng định giá cấp trên thực hiện; thành viên Hội đồng định giá lần 2 hoàn toàn mới chỉ có Chủ tịch Hội đồng định giá là cũ; một số bị cáo là người dân tộc thiểu số biết rất ít tiếng

Kinh nhưng trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không mời người phiên dịch cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo Ngh, T, S, A không thừa nhận đã có hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã qui kết. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo Bùi Văn Th tại các bút lục 341, 345, 347, 356, 764, 765, 766, 770, 771, 1212, 1213, , 1214, 1217, 1363, 1364, 1366... thể hiện: Mỗi lần bị cáo trộm cắp mang gỗ Sưa về nhà Ngh, T cất giấu đều là gỗ tươi và vào thời điểm gần sáng, và đều gọi Ngh là người ra mở cửa, Ngh hỏi hàng gì đấy thì TH nói gỗ sưa trộm ở chùa Th về; hôm sau TH nhờ T, Ngh đẽo vỏ lấy lõi; những lần sau T có biết, có lần T còn trêu đùa “lại đi trộm cắp về...); dụng cụ dùng để trộm cắp TH mang về nhà Ngh như cưa, bao tải, dây, găng tay...; thời điểm các bị cáo mua gỗ vào khoảng từ 20 giờ đến 22 giờ trong ngày; lần đầu khi mua gỗ xong, S còn nói “lần sau trộm cắp được gỗ đẹp thì gọi S đến mua; khi trao đổi với Quốc A qua điện thoại, Quốc A còn dặn “khi nào trộm cắp được gỗ sưa tiếp thì điện thoại cho Quốc A đến mua”. Như vậy, căn cứ vào lời khai của bị cáo TH thể hiện các bị cáo Ngh, T, S, A đều biết gỗ sưa do bị cáo trộm cắp mà có. Lời khai trên Bùi Văn Th phù hợp với lời khai nhận của bị cáo Đinh Công Ngh tại các bút lục 400, 402, 403, 405, 407, 410, 417, 418, 423, 772, 773, 774, 776, 777, 778, 1219, 1220...; phù hợp với lời khai nhận của Đinh Công T tại các bút lục 786, 788, 789, 790, 791, 793; 1221, 1222...; phù hợp với lời khai nhận của bị cáo Trần Xuân T1 tại các bút lục 376, 805; phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo S, bị cáo A tại các bút lục 442, 444, 462, 467, 470, 498 và lời khai nhận tội của các bị cáo TH, T1, Ngh, T, A tại phiên tòa ngày 30/9/2015. Tổng hợp các lời khai của các bị cáo nêu trên thể hiện Các bị cáo Ngh, T, T1, S, A đều biết gỗ Sưa TH bán cho các bị cáo S, A

là do bị cáo TH đi trộm cắp mà có. Căn cứ lời khai của các bị cáo nêu trên, lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự; biên bản thu giữ tài liệu, đồ vật; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q, Hà Nội và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/10/2013 đến ngày 16/4/2014, Bùi Văn Th đã 07 lần lén lút trộm cắp 08 cây gỗ Sưa, cắt được 14 khúc trên Núi chùa Th, xã S, huyện Q, Hà Nội là tài sản của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, Hà Nội Trị giá tài sản trộm cắp là 151.620.000 đồng, sau khi trộm cắp được TH mang về nhà Đinh Công Ngh và và Đinh Công T 5 lần, tổng số 9 khúc gỗ Sưa và nhờ T và Ngh đẽo vỏ, lấy lõi giấu vào gầm giường của Đinh Công T và nhờ Ngh tìm người bán hộ; Đinh Công Ngh đã liên hệ với Trần Xuân T1, nhờ T1 tìm người mua, T1 đã đưa Tạ Duy S lên 2 lần mua 4 khúc gỗ Sưa với giá 96.000.000 đồng; Đinh Công Ngh bán cho Hoàng Quốc A 2 lần 6 khúc gỗ Sưa với giá 79.000.000 đồng. Đinh Công Ngh được hưởng lợi khoảng 3.000.000 đồng, Đinh Công T được hưởng lợi khoảng 2.000.000 đồng. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đinh Công Ngh, Tạ Duy S, Hoàng Quốc A về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; bị cáo Đinh Công T về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan; việc người bào chữa cho bị cáo Ngh, bị cáo T cho rằng các bị cáo không phạm tội là không có căn cứ. Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho các bị cáo S, bị cáo A đề Ngh hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại với lý do: Bản án xác định UBND xã S là nguyên đơn dân sự là không đúng; Vi phạm nghiêm trọng về thủ tục thành lập, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá; các bị cáo Ngh, T là người dân tộc Mường biết rất ít tiếng kinh nhưng trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không mời người phiên dịch cho các bị cáo. Xét đề nghị của luật sư là không có cơ sở và không cần thiết, bởi lẽ:

Tại thời điểm xảy ra vụ án, UBND xã S là người trực tiếp quản lý tài sản, đất đai tại khu vực Núi chùa Th, thể hiện đã thành lập tổ bảo vệ để bảo vệ tài sản khu vực Núi chùa Th nên bản án sơ thẩm xác định UBND xã S, huyện Q là nguyên đơn dân

sự là đúng; quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho Nguyên đơn dân sự đã yêu cầu về trách nhiệm hình sự xử lý nghiêm các bị cáo, về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo TH phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt. Mặt khác, về nội dung xác định nguyên đơn dân sự trong vụ án, cấp sơ thẩm đã nhiều lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, trong đó có nội dung trên và đã được Ủy ban nhân dân huyện Q khẳng định Ủy ban nhân dân xã S là người quản lý khu vực Núi chùa Th nên việc cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân xã S là nguyên đơn dân sự trong vụ án là có cơ sở.

+ Về việc luật sư cho rằng có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục thành lập Hội đồng định giá, kết luận định giá, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi Cơ quan Công an huyện Q có Quyết định trưng cầu định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q đã tiến hành định giá. Tại kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐ ĐG ngày 25/4/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận 04 khúc gỗ Sưa TH cắt trộm đã thu giữ được trị giá 17.500.000 đồng. Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐ ĐG ngày 06/6/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận 10 khúc gỗ Sưa TH cắt trộm trị giá 134.500.000 đồng. Tổng cộng số gỗ Sưa do TH trộm cắp có giá trị 152.000.000 đồng.

Sau khi tiến hành điều tra bổ sung, căn cứ vào kết quả điều tra Bổ sung, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Q xét thấy tài liệu, lời khai của các bị cáo trước đây đã chuyển đến Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q theo Quyết định trưng cầu định giá số 22 ngày 16/5/2014 là chưa khách quan về kích thước chưa trùng khớp, phù hợp với vụ án. Để đảm bảo tính khách quan, toàn diện chính xác số tài sản trong vụ án, Cơ quan điều tra công an huyện Q đã có công văn số 249/CV-CQCSĐT ngày 22/6/2016 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q hủy kết luận định giá của Quyết định trưng cầu định giá số 22 ngày 16/5/2014. Ngày 24/6/2016 Hội đồng định giá đã hủy biên bản định giá tài sản ngày 06/6/2014 và kết luận số 23/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự. Ngày 24/6/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q ra quyết định trưng cầu

định giá số 38, trong quyết định đã thể hiện thông tin chính xác về tài sản bị cáo TH trộm cắp mang bán cho các bị cáo S, bị cáo A (quyết định trưng cầu định giá tài sản số 22 ngày 16/5/2014 thể hiện thông tin về tài sản TH trộm cắp mang bán cho các bị cáo S, A không cụ thể). Căn cứ vào kết quả khảo sát giá gỗ Sưa trên thị trường tự do tại địa phương, tham khảo giá gỗ Sưa ở một số địa phương khác và thông tin tham khảo trên mạng Internet, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q đã tiến hành định giá và tại Kết luận định giá tài sản số 26/ KL-HĐ ĐG ngày 29/6/2016 của Hội đồng định giá đã kết luận: 10 khúc gỗ Sưa TH trộm cắp trị giá 134.120.000 đồng. Xét thấy, Kết luận định giá tài sản số 26/ KL-HĐ ĐG ngày 29/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q không phải là kết luận định giá lại tài sản bị cáo TH trộm cắp bán cho các bị cáo S, A mà thực chất là kết luận định giá bổ sung; căn cứ vào các qui định của Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/03/2005 thì Kết luận định giá tài sản số 26/ KL-HĐ ĐG ngày 29/6/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q đã thực hiện đúng qui định của pháp luật, kết quả định giá tài sản trên đều thấp hơn so với giá các bị cáo S, A mua của bị cáo TH. Việc luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q đã có vi phạm nghiêm trọng tự mình hủy bỏ kết luận định giá tài sản là không đúng thẩm quyền để yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại là không cần thiết, bởi lẽ nó không làm thay đổi bản chất vụ án: Như đã phân tích ở trên, lý do cơ quan điều tra yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q hủy kết luận định giá tài sản theo Quyết định trưng cầu định giá số 22 ngày 16/5/2014 là chưa khách quan về kích thước, chưa trùng khớp, phù hợp với vụ án. Để đảm tính khách quan, toàn diện chính xác số tài sản trong vụ án, Cơ quan điều tra công an huyện Q mới có công văn yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q hủy kết luận định giá của Quyết định trưng cầu định giá số 22 ngày 16/5/2014 và tiến hành định giá theo Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 38 ngày 24/6/2016. Mặt khác, tại phiên tòa đại diện Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q trình bày “Hội đồng định giá trong tố

tụng hình sự huyện Q do cơ quan hành chính Nhà nước (Ủy ban nhân dân huyện Q) quyết định thành lập nên Hội đồng định giá có thẩm quyền hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung đối với văn bản do mình ban hành”. Vụ án đã kéo dài nhiều năm, các nội dung luật sư đưa ra đã được cấp sở thẩm tra hồ sơ và đã được điều tra làm rõ.

+ Về việc Cơ quan điều tra không trưng cầu người phiên dịch cho các bị cáo Ngh, T, thấy: Căn cứ vào lời khai của bị cáo Ngh, bị cáo T khai trong quá trình điều tra thì các bị cáo đều là những người học hết lớp 7 (bị cáo Ngh BL396), lớp 8 (bị cáo T – 426); vụ án kéo dài nhiều năm nhưng trong suốt quá trình tiến hành tố tụng lấy lời khai của các bị cáo không chỉ có Cơ quan điều tra Công an huyện Q mà nhiều lần đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q vào phúc cung, các bị cáo Ngh, T nói, viết tiếng Kinh bình thường, không có lần nào yêu cầu người phiên dịch. Tại lời khai của bị cáo Ngh tại BL 1368, bị cáo T khai tại bút lục 1372 khai trước đây tại cơ quan điều tra, khi cơ quan điều tra hỏi các bị cáo có cần mời phiên dịch không, các bị cáo trả lời không cần, tự mình có thể trả lời, đọc, viết bằng tiếng Việt phổ thông và cam đoan công nhận các lời khai, bản tường trình dùng tiếng Việt của mình là đúng. Tại các phiên tòa ngày 30/9/2015 và 30/11/2015, các bị cáo Ngh, T đều khai các bị cáo sử dụng thành thạo tiếng phổ thông (tiếng Kinh) bình thường. Điều đó, thể hiện các bị cáo Ngh, T nghe, đọc hiểu và viết tiếng Kinh bình thường.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản nhà nước đối với tài sản do người khác phạm tội mà có, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Vì háms lợi, biết rõ việc chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình phạt đủ nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo với mức án như vậy là thỏa đáng, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo không thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không có cơ sở xem xét cho các bị cáo được cải

tạo ngoài xã hội như đề Nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa.

Về án phí: Theo qui định của pháp luật, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng Nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng Nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Công Ngh, Đinh Công T, Tạ Duy S, Hoàng Quốc A, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đinh Công T 09 (chín) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù** về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam từ ngày 19/4/2014 đến ngày 09/02/201. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đinh Công Ngh 10 (mười) tháng tù** về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 19/4/2014 đến 23/6/2014.

-Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Tạ Duy S 8 (tám) tháng tù** về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giam từ 20/4/2014 đến 23/6/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Hoàng Quốc A 7 (bảy) tháng tù** về tội

"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 20/4/2014 đến ngày 23/6/2014.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đinh Công T, Đinh Công Ngh, Tạ Duy S, Hoàng Quốc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15/5/2018.

Nơi nhận:

- VKS HN
- VKSND huyện Q
- Công an huyện Q;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA; VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Quang